

Số: 34/NQ-HĐND

Khánh Bình, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Phân bổ dự toán ngân sách xã Khánh Bình năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026;

Thực hiện Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao dự toán ngân sách năm 2026 cho xã Khánh Bình;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình về việc thông qua Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách xã Khánh Bình năm 2026 (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND ngày 16/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã;

Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2026, gồm:

1. Tổng thu Ngân sách xã: 151.867.000.000 đồng.

** Trong đó:*

- Các khoản thu hưởng 100%: 560.000.000 đồng.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 134.191.000.000 đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu:	17.116.000.000 đồng.
2. Tổng chi ngân sách xã:	151.867.000.000 đồng.
<i>* Trong đó:</i>	
- Chi đầu tư phát triển:	12.126.000.000 đồng.
- Chi thường xuyên:	137.099.000.000 đồng.
- Dự phòng ngân sách:	2.642.000.000 đồng.

Cân đối dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2026 cho từng cơ quan, đơn vị cấp xã theo biểu mẫu số 34, 35, 36, 37 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị cấp xã theo đúng thời hạn luật định và các quy định hiện hành. Chỉ đạo Phòng Kinh tế xã tham mưu giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 đến từng cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách theo đúng thời gian quy định và tổ chức công khai dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Đối với dự phòng ngân sách và một số khoản kinh phí của ngân sách cấp xã chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm điều hành, phân bổ chi tiết và thực hiện chế độ báo cáo cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

3. Trong quá trình điều hành chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thường xuyên rà soát tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị cấp xã để kịp thời thu hồi các khoản dự toán đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện theo quy định; dự kiến sử dụng không hết trong năm ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp thiết khác theo chủ trương của cấp có thẩm quyền, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trong quản lý, điều hành, sử dụng ngân sách của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Hai Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Thành viên UBND xã;
- Các cơ quan, phòng chức năng xã;
- Phòng GD số 14 thuộc KBNN Khu vực XX;
- Trang thông tin điện tử xã (để thông báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tiến

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 34/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
	TỔNG CHI NSDP	151.867.000.000
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	151.867.000.000
I	Chi đầu tư phát triển (2)	12.126.000.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	12.126.000.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	137.099.000.000
01	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	84.343.000.000
-	Chi giáo dục	78.520.839.576
-	Hoạt động	4.480.160.424
-	Chi đào tạo và dạy nghề	475.000.000
-	Chi chính sách an sinh xã hội (sự nghiệp giáo dục)	867.000.000
02	Chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	330.000.000
-	Tổ công nghệ số cộng đồng	180.000.000
-	Khoa học công nghệ	150.000.000
03	Chi quốc phòng	2.532.000.000
04	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.459.000.000
05	Chi văn hóa thông tin	427.000.000
06	Chi bảo vệ môi trường	150.000.000
07	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27.145.000.000
08	Chi kinh phí sự nghiệp	16.249.000.000
-	Chính sách an sinh xã hội sự nghiệp Y tế	2.368.000.000
-	Chính sách ASXH sự nghiệp đảm bảo xã hội	13.881.000.000
09	Chi hoạt động kinh tế	3.464.000.000
10	Chi khác Ngân sách	-
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
C	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.642.000.000
D	CHI SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH	-
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

- Tiết kiệm 10% để thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định: 1.143 triệu đồng.

- Lương cơ sở 2,34 triệu đồng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 73/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đảm bảo xã hội	Chi dự phòng ngân sách	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	Chi chương trình MTQG				Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ												
I	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	151.367.000.000	12.126.000.000	116.936.000.000	16.699.000.000	2.642.000.000	3.464.000.000	-	-	-	-	-	-
01	Đảng ủy	137.099.000.000	-	116.936.000.000	16.699.000.000	-	3.464.000.000	-	-	-	-	-	-
02	Hội đồng nhân dân	7.560.664.000	-	7.560.664.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
03	Ủy ban nhân dân và các ngành	1.516.220.000	-	1.516.220.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
04	An ninh trật tự	19.867.996.000	-	15.953.996.000	450.000.000	-	3.464.000.000	-	-	-	-	-	-
05	Quốc phòng	2.459.000.000	-	2.459.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
06	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	2.532.000.000	-	2.532.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
07	Các hội Đặc thù (4 hội)	2.409.488.000	-	2.409.488.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
08	Chi kinh phí sự nghiệp	161.632.000	-	161.632.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
09	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	13.881.000.000	-	-	13.881.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.368.000.000	-	-	2.368.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)	84.343.000.000	-	84.343.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	12.126.000.000	12.126.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.642.000.000	-	-	-	2.642.000.000	-	-	-	-	-	-	-
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	CHI SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

- Tiết kiệm 10% để thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định: 1.143 triệu đồng.
- Lương cơ sở 2,34 triệu đồng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Xếp theo Nghị quyết số 44/QĐ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình)



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Dự phòng	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	$I = (2+...16)$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16
	TỔNG SỐ	151.867.000.000	84.343.000.000	330.000.000	2.532.000.000	2.459.000.000	2.368.000.000	427.000.000	100.000.000	100.000.000	150.000.000	3.464.000.000	-	-	26.495.000.000	14.331.000.000	2.642.000.000	12.126.000.000
I	Chi thường xuyên	137.099.000.000	84.343.000.000	330.000.000	2.532.000.000	2.459.000.000	2.368.000.000	427.000.000	100.000.000	100.000.000	150.000.000	3.464.000.000	-	-	26.495.000.000	14.331.000.000	-	-
01	Khối đảng	7.560.664.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.560.664.000	-	-	-
02	Khối đoàn thể	2.409.488.000	-	-	-	-	-	245.000.000	-	-	-	-	-	-	2.164.488.000	-	-	-
03	Khối nhà nước	126.966.848.000	84.343.000.000	330.000.000	2.532.000.000	2.459.000.000	2.368.000.000	182.000.000	100.000.000	100.000.000	150.000.000	3.464.000.000	-	-	16.607.848.000	14.331.000.000	-	-
04	Các Hội đặc thù	162.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	162.000.000	-	-	-
II	Dự phòng NS	2.642.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.642.000.000	-
III	Đầu tư phát triển	12.126.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.126.000.000

- Tiết kiệm 10% để thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định: 1.143 triệu đồng.
'- Lương cơ sở 2,34 triệu đồng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.